

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-PT

Ngày: 24/5/2022

V/v *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Đặng Ngọc Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Ngọc Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Công- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 04 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 103/2021/DS-ST ngày 23-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐ-PT ngày 29-04-2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1968; bà Lê Thị H, sinh năm 1971; Cùng trú tại: Xóm 3, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo uỷ quyền cho ông T, bà H:* ông Dương Â, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (*theo Giấy uỷ quyền ngày 16 tháng 9 năm 2019*).

**- Bị đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956; Cùng trú tại: Xóm 3, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo uỷ quyền cho ông H, bà X:* ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1992, trú tại: Xóm 3, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (*theo Giấy uỷ quyền số 53, ngày 6 tháng 4 năm 2021*).

Người kháng cáo: ông Nguyễn Ngọc T – nguyên đơn, Ông Dương Â – đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

(Ông T, ông Âu, ông H, bà X và anh H có mặt tại phiên tòa; Bà H vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bản tự khai của nguyên đơn vợ chồng ông T bà H và ông Dương Á đại diện trình bày:**

Gia đình tôi và gia đình ông H bà X ở sát nhau, giáp ranh giới đất. Quá trình sinh sống xảy ra tranh chấp ranh giới đất nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án giải quyết (Có hình chụp kèm theo đơn khởi kiện).

Đến tháng 6.2021 hai gia đình được Tòa án phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã T hòa giải, địa chính xã đến đo đạc, xác định ranh giới đất giữa hai nhà theo biên bản thỏa thuận giữa 02 gia đình ngày 26.6.2021 và Biên bản hòa giải ngày 16.7.2021 tại UBND xã T. Sau đó hai gia đình đã tiến hành xây dựng hàng rào: Bên nguyên đơn đóng cọc sắt, rào lưới B40, phía bị đơn ông H bà X xây kè đá ciment, đổ đất (có hình chụp ông H nộp kèm theo), thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ, nguyên đơn rút đơn khởi kiện.

Như vậy, giữa hai bên không còn tranh chấp ranh giới đất nữa. Tuy nhiên, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện vì nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông H bà X thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ chi phí trong quá trình đi kiện, vì nguyên đơn đã nộp nhiều khoản chi phí tố tụng cho Tòa án, án phí 300.000đ và chi phí đi lại đến ủy ban xã, đến Tòa án làm việc, tiền thuê đánh đơn khiếu nại, đơn khởi kiện....tồn kém nhiều.

Cụ thể theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 24.7.2021, tổng số tiền là 34.483.000đ + thiệt hại mức thu nhập giảm sút vụ mùa + thiệt hại về tổn thất về tinh thần do nhà nước quy định theo mức lương cơ sở.

+ Về chi phí tố tụng: nguyên đơn nộp 5.000.000đ chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ đất tranh chấp, đã chi 3.860.000đ, còn dư lại 1.140.000đ. Nay Tòa án thanh toán, giao lại 1.140.000đ, nguyên đơn không có ý kiến thắc mắc gì về các khoản chi. Tuy nhiên, nguyên đơn không nhận lại số tiền này. Nguyên đơn sẽ nhận lại 1.140.000đ cùng số tiền 34.483.000đ + thiệt hại mức thu nhập giảm sút vụ mùa + thiệt hại về tổn thất về tinh thần do nhà nước quy định theo mức lương cơ sở theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 24.7.2021 có tài liệu kèm theo. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Theo bản tự khai, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Về tranh chấp ranh giới đất, hai gia đình đã thỏa thuận được, cán bộ địa chính đã đến nhà đo đạc xác định ranh giới, hai nhà đã xây dựng hàng rào cố định. Vợ chồng ông T ra nộp hồ sơ thỏa thuận và rút đơn khởi kiện, vợ chồng tôi sẽ thanh toán cho vợ chồng ông T 1.500.000đ. Không còn tranh chấp ranh giới đất nữa (có biên bản thỏa thuận và hình ảnh kèm theo).

Tuy nhiên, khi được Tòa án mời ra để thực hiện bước cuối cùng để rút đơn khởi kiện thì vợ chồng ông T lại phát sinh đòi vợ chồng tôi phải thanh toán đủ loại chi phí (Tiền thuê đánh đơn khởi kiện, tiền đi lại đến Tòa án làm việc...) tổng cộng hơn 7 triệu đồng thì mới rút đơn, vợ chồng tôi không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tôi không có ý kiến và khiếu nại gì. Đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vụ án khi vắng mặt vợ chồng tôi. Kèm theo ảnh chụp hàng rào hai bên đã xây dựng theo thỏa thuận tại xã ngày 16.7.2021 và thỏa thuận của hai bên gia đình ngày 26.6.2021.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 103/2021/DS-ST ngày 23-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T bà Lê Thị H với vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên hiện trạng ranh giới đất hiện nay theo biên bản thỏa thuận của hai bên gia đình ngày 26.6.2021 và biên bản thỏa thuận tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 16.7.2021.

- Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông H, bà X có nghĩa vụ thanh toán lại cho vợ chồng ông T, bà H số tiền 1.930.000 đồng (*Một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng*)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05-01-2022, ông Dương Á - đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và ông Nguyễn Ngọc T nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 103/2021/DS-ST ngày 23-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Theo đó, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.000.000đ về khoản chi phí bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 300 Bộ Luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Theo đó, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.000.000đ về khoản chi phí bồi thường.

Sự thỏa thuận của các đương sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] *Về chi phí tố tụng:*

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000đ, đã thanh toán 3.860.000đ, còn dư 1.140.000đ. Khoản tiền dư 1.140.000đ (*Một triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng*) hiện ông T, bà H chưa chịu nhận sẽ được nhận lại tại cơ quan Thi hành án.

Số tiền 3.860.000đ (*Ba triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng*) các bên đã tự thỏa thuận được nên mỗi bên phải chịu  $\frac{1}{2}$  là 1.930.000đ. Vợ chồng ông H, bà X đồng ý thanh toán lại cho ông T, bà H 1.930.000đ (*Một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng*).

[3] Về án phí: Ông T, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Công nhận sự thỏa thuận giữa vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T bà Lê Thị H với vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Nguyễn Thị X, cụ thể như sau:

1. Giữ nguyên hiện trạng ranh giới đất hiện nay theo biên bản thỏa thuận của hai bên gia đình ngày 26.6.2021 và biên bản thỏa thuận tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 16.7.2021.

2. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị X thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T, bà Lê Thị H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) chi phí bồi thường.

*Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

3. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ thanh toán lại cho vợ chồng ông T bà H số tiền 1.930.000đ (*Một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng*).

4. Về án phí: Vợ chồng ông T, bà H phải chịu 600.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007984 ngày 18-01-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Ông T, bà H đã nộp đủ án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND H. Đ (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

***Vũ Thị Nguyệt***